

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIẾN THỤY  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN THỤY, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Thị Đôi

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị P**, sinh năm 1987; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng**; có mặt

- Bị đơn: Anh **Vũ Tuấn B**, sinh năm 1983; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 22 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn **Vũ Thị P** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh **Vũ Tuấn B** từ ngày 18 tháng 11 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) **xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng** (Giấy chứng nhận kết hôn số 79). Vợ chồng chung sống đến

đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh **B** có biểu hiện quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau và sống ly thân từ tháng 5 năm 2018, sau đó anh **B** đi lao động tại nước Hàn Quốc, mâu thuẫn vợ chồng càng trở lên trầm trọng. Vì vậy tháng 4 năm 2024, chị làm đơn xin ly hôn anh **B** và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị mới biết anh **B** đã về Việt Nam sinh sống nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng chuyển vụ án của chị về Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy giải quyết theo thẩm quyền. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh **B**.

Về con chung: Anh chị có 02 con là **Vũ Thị Minh N**, sinh ngày 22/8/2010 và **Vũ Tuấn H**, sinh ngày 14/9/2015, đang do chị nuôi dưỡng. Nghề nghiệp chị đang làm Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân **xã N1**, thu nhập trung bình 12 triệu đồng/tháng, có chỗ ở ổn định. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh **Vũ Tuấn B** vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, chị **P** giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Vũ Thị P**, cho chị **Vũ Thị P** được ly hôn anh **Vũ Tuấn B**.

- Về con chung: Giao cháu **Vũ Thị Minh N**, sinh ngày 22/8/2010 và **Vũ Tuấn H**, sinh ngày 14/9/2015 cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị **P** không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị **Vũ Thị P** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **P** đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Vũ Thị P** xin ly hôn anh **Vũ Tuấn B** và yêu cầu giải quyết nuôi con tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Công văn số 195/CV-TA ngày 21/5/2024 ‘về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của đương sự’ gửi đến **Cục Q - Bộ C**. Tại Công văn số 11335/QLXNC-P3 ngày 29/5/2024 của **Cục Q - Bộ C** cung cấp: Anh **Vũ Tuấn B** đã xuất nhập cảnh 02 lần, nhập cảnh gần nhất ngày 13/5/2018”. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng chuyển hồ sơ vụ án thụ lý số 93, ngày 05/4/2024 đến Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy giải quyết theo Quyết định chuyển định chuyển hồ sơ vụ án số 02/2024/QĐ-CHSVA ngày 10/6/2024. Do anh **Vũ Tuấn B** có nơi cư trú tại **xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng**; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, xác định đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở lời khai và yêu cầu của nguyên đơn; Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh **B** (bị đơn) nhưng anh **B** không đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng, đến giai đoạn chuẩn bị xét xử; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh **B** nhưng anh **B** vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **B**.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị P** xin ly hôn anh **Vũ Tuấn B**; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền **xã N** cung cấp thì hôn nhân của chị **Vũ Thị P** và anh **Vũ Tuấn B** là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2018, do bất đồng quan điểm sống, anh **B** vô trách nhiệm với vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên xúc phạm nhau và sống ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Như vậy đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị **P** có cơ sở chấp nhận nên xử cho chị **P** được ly hôn anh **B** là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con là **Vũ Thị Minh N**, sinh ngày 22/8/2010; **Vũ Tuấn H**, sinh ngày 14/9/2015, đang do chị **P** nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị **P** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị **P**; ý kiến trình bày của đại diện gia đình anh **B** cũng như chính quyền **xã N** cung cấp thì chị **P** làm cán bộ, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân **xã N**, thu nhập trung bình 12.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu **N** và cháu **H**. Từ khi chị **P** và anh **B** sống ly thân, chị **P** nuôi dưỡng hai cháu rất tốt. Anh **B** không thể hiện quan điểm, nguyện vọng của mình đến Tòa án, hơn nữa nguyện vọng của hai cháu đều được ở với chị **P** nên giao hai cháu cho chị **P** trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **B** là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Vũ Thị P** không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị P** được ly hôn anh **Vũ Tuấn B**.

2. Về con chung: Giao cháu **Vũ Thị Minh N**, sinh ngày 22/8/2010 và cháu **Vũ Tuấn H**, sinh ngày 14/9/2015 cho chị **Vũ Thị P** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh **Vũ Tuấn B**.

Sau khi ly hôn, anh **Vũ Tuấn B** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị **Vũ Thị P** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000295 ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị **P** đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **Vũ Thị P** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh **Vũ Tuấn B** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngũ Đoan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Dịu**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

<b>Cao Văn Tân</b>	<b>Khúc Thị Minh</b>	<b>Vũ Thị Diệu</b>
--------------------	----------------------	--------------------